

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT CỦA MỖI LỚP

Chương trình học sau đây được phổ biến lần đầu tiên trong "Cẩm Nang Hướng Dẫn Sư Phạm" của Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Diego năm 1991. Chương trình này được tu bổ và phổ biến trong Bản Tin Kỷ Niệm 10 Năm Thành Lập Trung Tâm Văn Lang, hè 1994. Năm 1995, chương trình này được Ban Đại Diện Các Trung Tâm Việt Ngữ Miền Nam California sử dụng trong Bản Dự Thảo Chương Trình Tổng Quát Của Mỗi Lớp. Một lần nữa, chúng tôi xin phổ biến chương trình tổng quát này để hướng dẫn phụ huynh (và các thầy cô) trong việc theo dõi tiến trình học hỏi của con em.

A. CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NGỮ

Lớp Mẫu Giáo

Nhận mặt chữ, đánh vần

Dạy các em nhận được các mặt chữ.
Tập đọc và viết các chữ cái (Nguyên âm và phụ âm)
Dấu giọng (Huyền, sắc, nặng, hỏi và ngã).
Các em tập chào và thưa hỏi.
Tập hát và trò chơi.

Lớp Một

Đánh vần và đặt câu ngắn

Dạy các em nhận được các chữ cái.
Tập đọc và viết các chữ cái (Nguyên và phụ âm).
Dấu giọng (Huyền, sắc, nặng, hỏi và ngã).
Văn xuôi đơn giản (Phụ âm và nguyên âm đơn).
Tập đặt câu ngắn.
Tập hát và các trò chơi.

Lớp Hai

Văn phức tạp - Tập đặt câu với các từ - Đồng dao

Mẫu âm đơn và vần đơn giản (1 nguyên âm và 1 phụ âm).
Mẫu âm kép (2 nguyên âm và 1 phụ âm).
Văn phức tạp.
Tập đặt câu với các từ.
Các bài đồng dao và bài học thuộc lòng ngắn.
Học các đức tính tốt và tật xấu.

Lớp Ba

Chủ đề: Nếp sống gia đình và học đường - Tập làm văn

Học chi tiết các mẫu âm kép và vần phức tạp.
Tập đọc và trả lời câu hỏi.
Tập làm văn.
Tập viết chính tả, giải nghĩa các chữ, các câu hỏi và đại ý của bài văn.
Học bốn phận trong gia đình và học đường.
Văn phạm - Phân biệt các loại từ.



Lớp Bốn

Chủ đề: Đời sống hằng ngày của người Việt

Tập viết chính tả và tập làm văn tả đồ vật và thú vật.
Tập đọc - Giải nghĩa, đại ý, phân loại và câu hỏi.
Văn phạm - Phân biệt các loại từ (tiếp theo), thể thụ động.
Chu toàn bốn phần hàng ngày của mình.
Học tục ngữ và ca dao.
Tập đàm thoại và đối thoại.

Lớp Năm

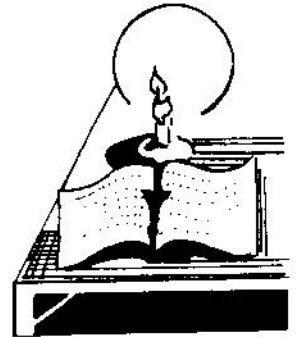
Chủ đề: Tình cảm và phong tục của người Việt

Chính tả - Phân biệt dấu giọng.
Tập làm văn - Tả cảnh và tả người.
Tục ngữ và ca dao.
Văn phạm - Liên từ, giới từ, chỉ định từ, các dấu chấm câu.
Tập làm văn, tập đọc và phân tích các bài văn phức tạp hơn.
Giới thiệu về tình cảm và phong tục, tập quán của người Việt Nam.

Lớp Sáu

Chủ đề: Tình yêu quê hương và dân tộc

Các thể thơ thông dụng.
Tục ngữ và ca dao.
Văn thể - kể chuyện và viết thư.
Cách hành văn.
Giới thiệu tình yêu Quê Hương và Dân Tộc.
Các bài hát ngắn hoặc dài về Quê Hương.



Lớp Song Ngữ

Đặt câu hỏi & trả lời - Đàm thoại - Chính tả

Lớp song ngữ dùng Anh văn chuyển ngữ để dạy học sinh tiếng Việt.
Chương trình lớp song ngữ tùy theo sĩ số và trình độ của đa số học sinh sẽ chuyển để tạo cho lớp học được sống động.

B. CHƯƠNG TRÌNH VIỆT SỬ

Chương trình Việt Sử chú trọng đến nhân vật lịch sử và công trạng hiển hách được ghi công trong sự kiện lịch sử quan trọng như thay đổi thể chế, triều chính có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến văn hóa dân tộc Việt Nam.

Lớp Một

Kể chuyện cổ tích và huyền sử Việt Nam.

Chú trọng ý nghĩa, bài học của câu chuyện.
Giải thích những nét đặc thù trong sinh hoạt và suy nghĩ của dân tộc Việt Nam.
Hiếu nghĩa: Sự tích bánh dày, bánh chưng.
Tình huynh đệ: Sự tích trầu cau, hòn vọng phu.
Anh hùng yêu nước: Phù Đổng Thiên Vương, Lý Ông Trọng.

Lớp Hai

Huyền sử Việt Nam thời Hùng Vương.

Chú trọng ý nghĩa, bài học của câu chuyện.

Cho thấy những đặc điểm trong lối sống, tình cảm tương quan giữa con người trong xã hội Việt Nam thời xưa lồng trong những câu chuyện dân gian, ngụ ngôn và huyền thoại. Một vài câu chuyện dựa theo Văn Lang Dị Sử của Nguyễn Lang.

Tình đồng bào: Trăm trứng.

Tự túc mưu sinh: Quả dưa đỏ.

Thần thoại dân gian: Sơn Tinh, Thủy Tinh, Chử Đồng Tử.

Huyền sử: Trọng Thủy Mỵ Châu, Lý Ông Trọng...v.v.

Lớp Ba

Thời Bắc thuộc, nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý và Hậu Lý.

Chú trọng về cuộc đời, sự nghiệp và những chiến công của các danh nhân.

Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, Bồ Cái Đại Vương, Ngô Quyền và trận chiến trên sông Bạch Đằng, Đinh Bộ Lĩnh về cờ lau tập trận. Lý Công Uẩn và Thiền Sư Vạn Hạnh, Chùa Một Cột, Thành Thăng Long, Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh...v.v.

Lớp Bốn

Hậu Lý, Trần, Hậu Trần, Hồ, Lê, Mạc.

Ôn lại Triều Lý từ Lý Công Uẩn và Thiền Sư Vạn Hạnh đến Lý Chiêu Hoàng,

Trần Thủ Độ, Trần Cảnh, Hội Nghị Diên Hồng, Trần Quốc Toản và trái cam trong tay,

Trần Nhân Tông và núi Yên Tử, Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt lo việc nước,

Trần Bình Trọng thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vua nước Bắc, Hồ Quý Ly

in tiền giấy, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi và Lê Lai liều mình cứu chúa...v.v.

Lớp Năm

Trịnh Nguyễn phân tranh, Tây Sơn, Pháp thuộc.

Ôn lại cuối triều Hậu Lê, Mạc Đăng Dung cướp ngôi vua.

Nguyễn Bình Khiêm và cuộc Nam tiến.

Bắc Nam phân tranh tại sông Gianh.

Hoàng tử Cảnh và Bá Đa Lộc.

Liều chết giữ thành: Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu.

Kháng chiến chống Pháp: Phan Đình Phùng, Đinh Công Tráng...v. v.

Chính sách cai trị khắc nghiệt của người Pháp.

Vua Hàm Nghi, Duy Tân...v.v.

Lớp Sáu

Sử Cận Đại.

Ôn lại tổng quát từ thời lập quốc.

Đệ nhị thế chiến và Nhật chiếm Đông Dương.

Vua Bảo Đại thoái vị và chiến tranh Việt Pháp.

Sông Bến Hải và Nam Bắc lại phân tranh.

Chiến tranh Quốc Cộng, Tết Mậu Thân.

Người dân Việt bỏ nước ra đi,

thuyền nhân tị nạn... v.v.



C. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ

Chú trọng về những điểm chính của nước Việt Nam như: vị trí, ranh giới, diện tích, khí hậu, sông ngòi, đường xá, dân số và tôn giáo của nước Việt Nam.

Lớp Một

Đại cương về nước Việt Nam.
Tập vẽ bản đồ Việt Nam.
Chú trọng về: Vị trí, ranh giới, và diện tích nước Việt Nam.

Lớp Hai

Ôn lại các bài đã dạy ở lớp một về: vị trí, ranh giới và diện tích nước Việt Nam.
Tiếp theo dạy về hình dáng, núi non, sông ngòi và nguồn gốc nước Việt Nam.

Lớp Ba

Ôn lại những phần chính của lớp một và hai.
Hệ thống đường xá ở Việt Nam.
Dân số, dân tộc thiểu số, các tôn giáo. Khí hậu, cao nguyên, đồng bằng ở Việt Nam.

Lớp Bốn

Ôn lại những phần chính của các lớp 1, 2 và 3.
Nông nghiệp ở Việt Nam.
Khoáng sản, lâm sản, hải sản. Chăn nuôi trồng trọt và đánh cá ở Việt Nam.

Lớp Năm

Ôn lại những phần chính của lớp 1, 2, 3, và 4.
Sự thành lập địa chất ở Việt Nam.
a) Địa tầng.
b) Địa động.
c) Nham thạch.
Kỹ nghệ nặng, nhẹ và tình hình công nghệ Việt Nam.



Lớp Sáu

Ôn lại tất cả những phần chính từ lớp 1 đến 5.
Địa thế nước Việt Nam.
Địa thế, đặc điểm miền núi cao nguyên Đông Bắc.
Địa thế, đặc điểm các miền Tây Bắc và rặng núi Trường Sơn.
Cao nguyên miền nam Việt Nam.
Thương mại và chính sách kinh tế, tài chính ở Việt Nam.